

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2021, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hải A, sinh năm 1982

HKTT: Thôn CX, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn X, xóm AA, xã NK, huyện LN, tỉnh Hà Nam.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978

HKTT: Thôn CX, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 16/8/2005.

HKTT: Thôn CX, phường LS, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- **Người đại diện hợp pháp cho cháu Nam:** Chị Nguyễn Hải A và anh Nguyễn Văn S - Bố, mẹ đẻ của cháu.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Nguyễn Phương N:** Bà Đỗ Thị Hải - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 8 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Hải A và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hải A và anh Nguyễn Văn S thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 24/3/2001 và Nguyễn Phương N, sinh ngày 16/8/2005. Các đương sự thỏa thuận giao cháu Nguyễn Phương N cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Hải A đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng, một tháng, thời điểm đóng góp tính từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu Nam đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Thị Bích Phương, các đương sự thống nhất không đề nghị giải quyết do cháu đã trưởng thành.

Chị Nguyễn Hải A được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Hải A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu chị Nguyễn Hải A không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Hải A tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, cộng bằng 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh chị Hải A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001417 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị Hải A đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- UBND phường LS, Tp. H,
(Đăng ký số 23 ngày 19/5/2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý